

Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HSX: PVD)

Triển vọng lợi nhuận hồi phục

Khuyến nghị

MUA

Giá hiện tại:	21,150
Giá mục tiêu trước đây:	27,100
Giá mục tiêu mới:	26,000
Tỷ suất cổ tức:	- %
Tiềm năng tăng giá:	22.9%

Ngày viết báo cáo:	16/02/2023
Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	555,880
Vốn hóa (tỷ đồng)	11.174
Thanh khoản bình quân 6 tháng:	12,837,910
Sở hữu nước ngoài	16.16%

Cơ cấu cổ đông	
VIETNAM OIL & GAS GROUP	50.46%
EATON VANCE CORPORATION	0.1%
LEMANIK ASSET MANAGEMENT	0.1%
PHẠM TIẾN DŨNG	0.04%

Chuyên viên phân tích ngành:

Dương Quang Minh

(Dầu khí, điện)

minhdq@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Giá khuyến nghị: 24,500

Giá cắt lỗ: 19,800

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



Định giá

- BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với PVD, với giá mục tiêu cho năm 2023 là **26,000 VND/CP** (tương đương **upside 23%** so với giá đóng cửa ngày 15/02/2023 là 21,150 VND/CP) dựa trên phương pháp P/B và EV/EBITDA với tỷ trọng là 50% - 50%. Chúng tôi cho rằng triển vọng kinh doanh của PVD sẽ trở nên tích cực hơn trong thời gian tới nhờ đơn giá cho thuê và hiệu suất sử dụng giàn tăng do sự phục hồi của thị trường khoan khu vực, trong bối cảnh nguồn cung bị thắt chặt.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự báo năm 2023, DTT và LNST của PVD lần lượt đạt **6,848 tỷ VND (+26% YoY)** và **307 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 151 tỷ VND)**, EPS FW = 360 VND/CP với giả định (1) Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 93%, (2) Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2023 tăng lên mức 83,000 USD/ngày (+38% YoY), và (3) Trích lập dự phòng phần còn lại (16 tỷ VND) với đối tác KrisEnergy.

Quan điểm đầu tư

- Hiệu suất sử dụng giàn khoan tự nâng khu vực dự kiến tăng lên mức 90% nhờ nhu cầu được cải thiện, trong khi nguồn cung khu vực bị thắt chặt, và khó có thể cải thiện trong ngắn hạn
- Giá thuê ngày giàn khoan tự nâng dự kiến đạt trên 100,000 USD (+25% YoY) trong năm 2023.

Rủi ro

- Giá dầu biến động mạnh ảnh hưởng tới giá thuê giàn và lợi nhuận của PVD.
- HSXH trung bình các giàn khoan tự nâng thấp hơn kỳ vọng.
- Rủi ro tỷ giá và trích lập dự phòng.

Cập nhật doanh nghiệp

- Trong quý 4/2022, DTT của PVD đạt **1,458 tỷ VND (+9% YoY)**, và LNST đạt **53 tỷ VND (+8% YoY)**. Kết quả kinh doanh của PVD khả quan chủ yếu tới từ (1) các giàn khoan có đầy đủ việc làm trong quý 4, cùng đơn giá dịch vụ khoan tăng trở lại giúp lợi nhuận gộp tăng 92% YoY và (2) khoản chênh lệch 22.5 tỷ VND từ thuế TNDN hoãn lại phát sinh.
- Lũy kế cả 2022, DTT của PVD đạt **5,351 tỷ VND (+34% YoY)**, hoàn thành **114% kế hoạch năm**, và ghi nhận **lỗ sau thuế 151 tỷ VND (cùng kỳ lãi 37 tỷ VND)**. Trong đó, PVD đã trích lập 44 tỷ VND nợ xấu đối với KrisEnergy (khoảng 94 tỷ VND tính tới hết quý 3).

	2021	2022	2023F	VN-Index
PE (x)	638.6	-90.0	58.8	11.8
PB (x)	0.9	0.7	0.8	1.7
PS (x)	3.1	1.8	1.7	3.2
ROE (%)	0.3%	-1.1%	2.1%	16.9%
ROA (%)	0.2%	-0.7%	1.4%	5.8%
EV/ EBITDA (x)	22.0	14.7	9.0	14.2

	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu	5,228	3,995	5,432	6,848
Lợi nhuận gộp	328	371	578	826
Lợi nhuận sau thuế	184	20	-99	275
EPS	278	-36	-242	360
Tăng trưởng EPS	-9%	-113%	572%	-249%
Nợ ròng/ VCSH	28%	29%	27%	27%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Bảng 1: Cập nhật tình hình kinh doanh Q4.2022

Tỷ đồng	Q4/2022	Q4/2021	% yoy	2022	2021	% yoy
Doanh thu thuần	1,458	1,334	9%	5,351	4,007	34%
- Dịch vụ khoan	909	720	26%	3,482	1,848	88%
- Thương mại	46	26	80%	114	490	-77%
- Khác	503	588	-14%	1,756	1,668	5%
Lợi nhuận gộp	261	136	92%	571	339	69%
GPM	17.9%	10.2%		10.7%	8.5%	
Lãi/lỗ từ CTLDLK	28	18	55%	47	104	-54%
CP bán hàng	10	9	10%	17	13	35%
CP QLDN	178	89	100%	486	388	25%
SG&A/Rev	12.9%	7.4%		9.4%	10.0%	
EBIT	73	37	93%	67	-62	-209%
DT tài chính	35	28	25%	116	164	-29%
CP tài chính	-87	-43	103%	-308	-171	80%
LN khác	-12	14		-55	29	
LNTT	36	54	-33%	-132	64	
LNST	53	50	8%	-147	39	-482%

Nguồn: PVD, BSC Research

Trong Q4/2022, DTT của PVD đạt 1,458 tỷ VND (+9% YoY), và LNST đạt 53 tỷ VND (+8% YoY). Kết quả kinh doanh của PVD khả quan chủ yếu tới từ (1) các giàn khoan có đầy đủ việc làm trong quý 4, cùng đơn giá dịch vụ khoan tăng trở lại giúp lợi nhuận gộp tăng 92% YoY và (2) khoản chênh lệch 22.5 tỷ VND từ thuế TNDN hoãn lại phát sinh.

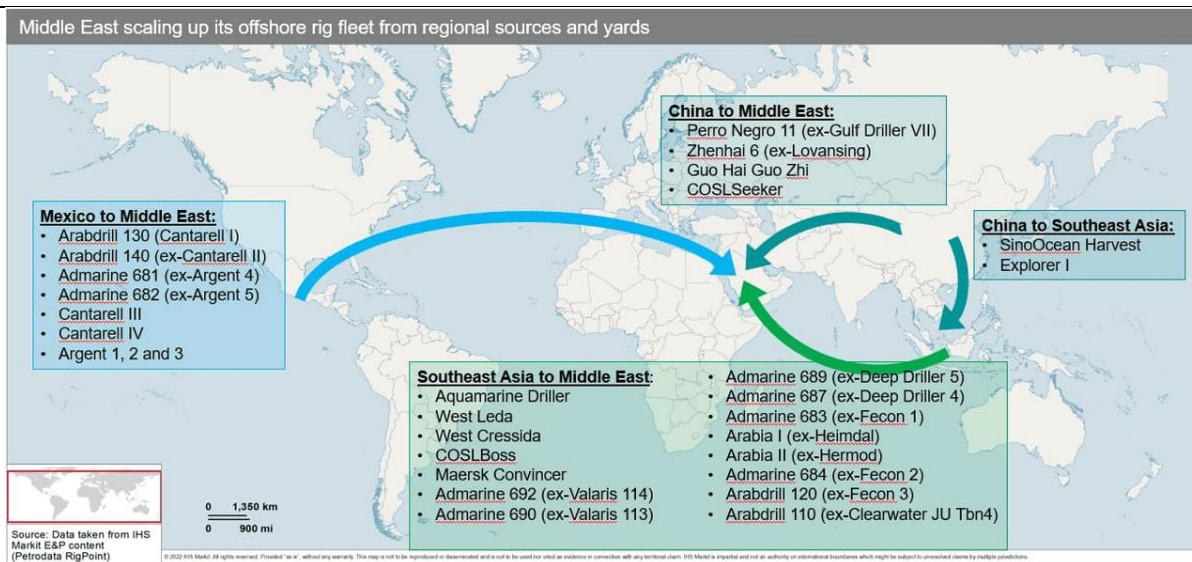
Lũy kế cả năm 2022, DTT của PVD đạt 5,351 tỷ VND (+34% YoY), hoàn thành 114% kế hoạch năm, và ghi nhận lỗ sau thuế 151 tỷ VND (cùng kỳ lãi 37 tỷ VND). Doanh thu của PVD ghi nhận tăng so với cùng kỳ chủ yếu tới từ mảng dịch vụ khoan (đạt 3,482 tỷ VND, tăng 88% YoY), nhờ hiệu suất sử dụng giàn khoan cùng đơn giá cho thuê tăng (trung bình năm 2022 đạt 3.4 giàn với dayrate 60,000 USD/ngày, so với năm 2021 là 3.2 giàn và 52,000 USD/ngày), bên cạnh giàn TAD và PVD11 hoạt động ổn định trở lại. Mặc dù vậy, lợi nhuận của PVD kém khả quan chủ yếu do (1) Chi phí tài chính tăng hơn 130 tỷ do lãi vay và lỗ tỷ giá; (2) lợi nhuận từ các công ty liên doanh/liên kết giảm 57 tỷ VND; và (3) Trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi với Kris Energy.

Về tình hình giải quyết nợ xấu, trong quý 4 PVD đã trích lập thêm 30 tỷ VND nợ xấu đối với KrisEnergy. Như vậy, tính tới hết năm 2022, khoản nợ xấu với đối tác này chỉ còn khoảng 16 tỷ VND, và nhiều khả năng sẽ được trích lập nốt phần còn lại trong năm 2023.

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2023

Xu hướng chuyển dịch giàn khoan sang Trung Đông khiến nguồn cung tại khu vực Đông Nam Á bị thắt chặt. Nhu cầu giàn khoan tự nâng ở Trung Đông dự kiến sẽ tăng trung bình từ 125 chiếc trong năm 2022 lên 169 chiếc vào năm 2023 và 183 chiếc vào năm 2024. Điều này đã khiến nguồn cung giàn khoan tăng lên cùng với sự di chuyển hàng loạt giàn khoan tự nâng vào Trung Đông. Ở Đông Nam Á, một số giàn khoan tự nâng đang hoạt động và đóng mới được xác nhận đã rời đi, nâng tổng số giàn tự nâng (nóng và không tải) di chuyển ra khỏi khu vực Châu Á – Thái Bình Dương đến Trung Đông trong giai đoạn vừa qua lên 28 giàn. Do đó, BSC đánh giá nguồn cung giàn khoan tự nâng trong khu vực sẽ tiếp tục bị thắt chặt trong thời gian tới.

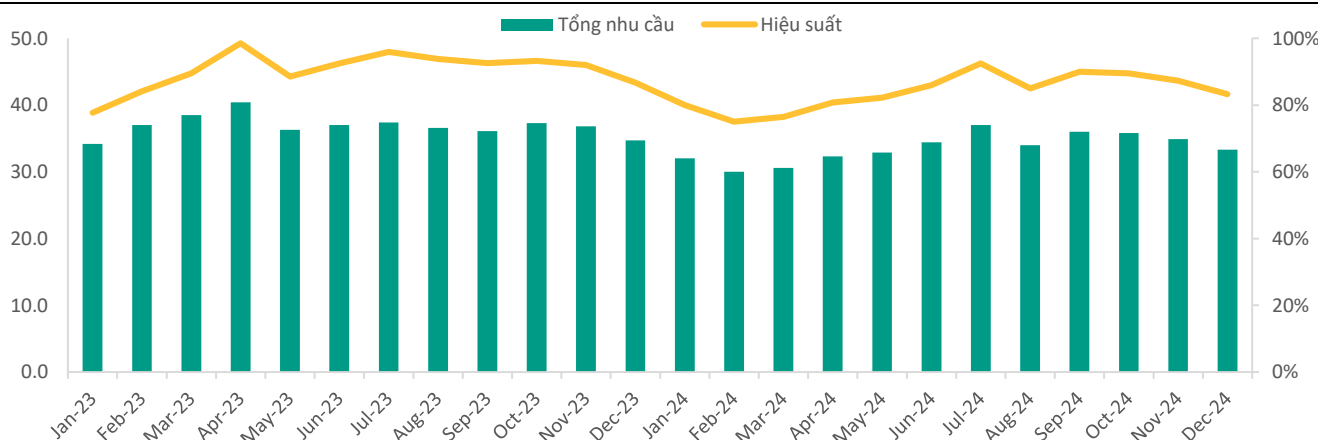
Hình 1: Dự báo tổng nhu cầu và hiệu suất sử dụng giàn khu vực Đông Nam Á



Nguồn: S&P Global, BSC Research

Nhu cầu giàn khoan tự nâng trung bình ở khu vực Đông Nam Á được dự đoán sẽ tiếp tục tăng, từ 32 giàn năm 2022 lên 37 giàn cho năm 2023, và khoản 34 giàn cho năm 2024. Trong khi đó, nguồn cung mới các giàn vẫn không có dấu hiệu được cải thiện ít nhất là trong vài năm tới, do chi phí đầu tư ban đầu khá lớn (ít nhất 85 triệu USD). Do đó, BSC kỳ vọng rằng hiệu suất sử dụng giàn trong khu vực sẽ duy trì ở mức quanh 90% trong thời gian tới, nhờ đó đảm bảo nguồn công việc cho các giàn đang hoạt động của PVD.

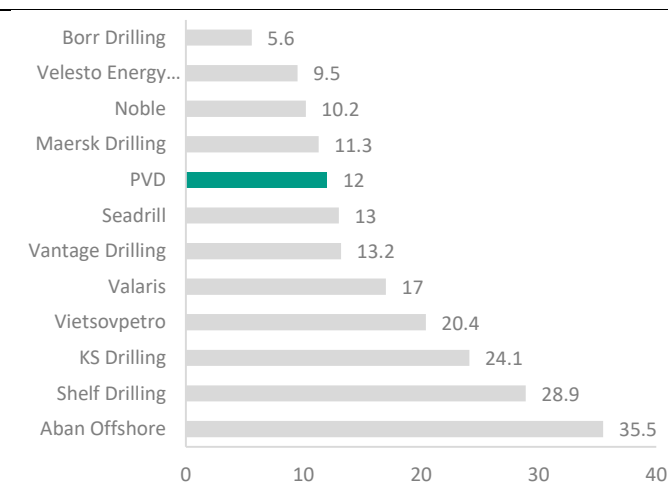
Hình 2: Dự báo tổng nhu cầu và hiệu suất sử dụng giàn khu vực Đông Nam Á



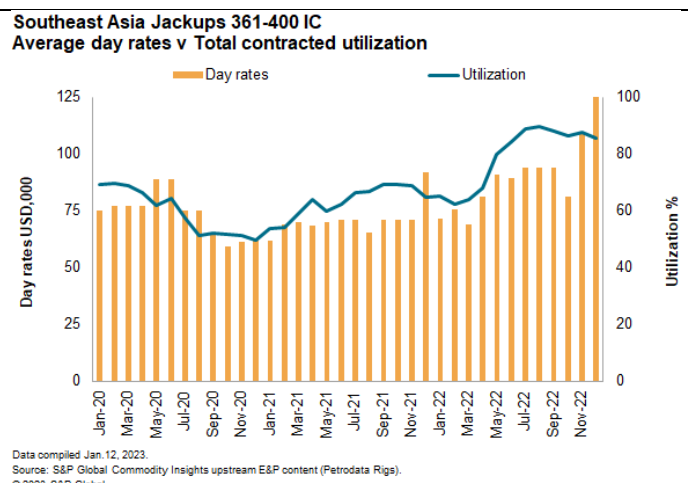
Nguồn: S&P Global, BSC Research

Hiệu suất sử dụng giàn khoan và giá thuê giàn khoan tiếp tục duy trì xu hướng tăng mạnh mẽ. Theo dữ liệu của IHS Markit, tính đến tháng 1/2023 có tới 48 giàn khoan đã có hợp đồng trong tổng số 53 giàn khoan có thể làm việc tại khu vực Đông Nam Á, nâng hiệu suất hoạt động của các giàn khoan lên 90.6% (so với 73% cùng kỳ). Về giá cho thuê giàn, mức giá thuê trung bình giàn JU cũng tiếp tục đà tăng mạnh mẽ trong giai đoạn vừa qua, lên mức trên 120,000 USD/ngày tính tới tháng 12 năm 2022. Thậm chí, IHS còn đưa dự báo hiệu suất sử dụng giàn khoan Jack-up có thể lên tới 95% và giá cho thuê giàn khoan có thể đạt 140,000 USD/ngày giai đoạn 2023-2024. Trong bối cảnh nguồn cung giàn thời gian tới khó được cải thiện, thậm chí còn có thể giảm xuống do các giàn lâu năm hết khả năng sử dụng, **BSC kỳ vọng giá cho thuê giàn khoan tự nâng sẽ duy trì ở mức trên 100,000 USD/ngày trong năm 2023.**

Hình 3: Tuổi đời trung bình giàn khoan các công ty trong ngành



Hình 4: HSHĐ và giá thuê giàn khoan tự nâng khu vực ĐNA đang có xu hướng phục hồi



Nguồn: S&P Global, IHS Markit, BSC Research

Các giàn khoan của PVD có đầy đủ việc làm trong thời gian tới, với giá thuê giàn được cải thiện. Hoạt động khoan của PVD tiếp tục phục hồi, với lịch trình khoan đã được lấp đầy cho tới hết năm nay. Trong đó:

- Giàn PVD I sẽ thực hiện khoan tại Việt Nam cho Vietsovetro và JVPC, trước khi sang Thái Lan và Malaysia vào nửa cuối năm.
- Giàn PVD II được gia hạn cho chiến dịch khoan tại Indonesia cho cả năm.
- Giàn PVD III đã ký hợp đồng dài hạn từ giữa năm 2021, và sẽ tiếp tục thực hiện khoan cho Repsol tại Malaysia đến hết năm 2023.
- Giàn PVD VI thực hiện các hợp đồng ký mới với Premier Oil Vietnam Offshore (POVO), PVEP, và SK tại Việt Nam trong phần lớn thời gian, sau đó di chuyển sang thực hiện chiến dịch khoan cho PCSB của Malaysia vào cuối năm.
- Giàn TAD tiếp tục thực hiện dự án cho Brunei Shell Petroleum trong cả năm

Với việc ký được những hợp đồng có thời hạn khoan dài, và tập trung, BSC đánh giá PVD sẽ tiết kiệm được thời gian và chi phí dịch chuyển giàn, từ đó cải thiện đáng kể lợi nhuận gộp của công ty.

Bảng 2: Cập nhật lịch khoan năm 2022 của PVD

	Q1	Q2	Q3	Q4
PVD I	Vietsovpetro - VN	JVPC - VN	Valeura - Thailand	PCSB - Malaysia
PVD II	Pertamina - Indonesia			
PVD III	Repsol - Malaysia		Repsol - Malaysia	
PVD VI	POVO - VN	PVEP - VN	SK - VN	PCSB - Malaysia
Giàn TAD	Brunei Shell Petroleum			
Landrig 11	GBRS	GBRS - Algeria	Stack, 01/05-31/12	

Nguồn: PVD, BSC Research

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự phóng KQKD năm 2023 của PVD đạt doanh thu thuần và LNST lần lượt là **6,848 tỷ VND (+26% YoY)** và **307 tỷ VND (cùng kỳ lỗ 151 tỷ VND)**, EPS FW = **360 VND/CP** với giả định:

- Giá dầu trung bình năm 2023 đạt 90 USD/thùng (-10% YoY)
- Hiệu suất hoạt động các giàn khoan tự nâng đạt mức trung bình 93%
- Giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2023 đạt 83,000 USD/ngày (+38% YoY)
- Số giàn khoan thuê ngoài trung bình đạt 0.8 giàn do nhu cầu khoan trong khu vực tăng trở lại.
- Trích lập dự phòng phần còn lại 16 tỷ VND phải thu với đối tác KrisEnergy.

Bảng 3: Dự phóng KQKD của PVD

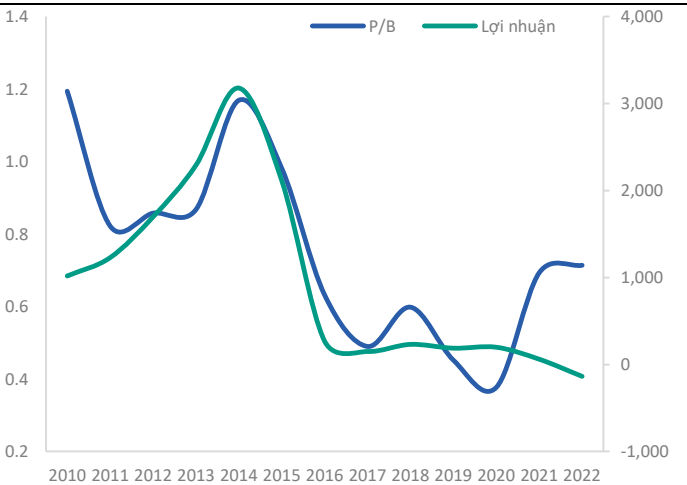
Đv: Tỷ VND	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	5,228	3,995	5,432	6,848
- Dịch vụ khoan	3,076	1,848	3,482	4,751
- Thương mại	328	490	114	128
- Khác	1,825	1,668	1,756	1,969
Giá vốn hàng bán	(4,900)	(3,624)	(4,853)	(6,022)
Lợi nhuận gộp	328	371	578	826
<i>Biên LN gộp</i>	6.3%	9.3%	10.6%	12.1%
CP bán hàng	(16)	(13)	(18)	(22)
CP QLDN	(315)	(386)	(493)	(442)
<i>SG&A/DTT</i>	6.3%	10.0%	9.4%	6.8%
DT tài chính	159	164	118	115
CP tài chính	(202)	(171)	(313)	(262)
Thu nhập khác	30	(7)	(56)	46
LNTT	200	62	(135)	383
LNST	181	37	(151)	307
EPS	278	(36)	(242)	360

Nguồn: BSC Research

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

BSC sử dụng phương pháp P/B và EV/EBITDA để ước tính giá trị hợp lý của PVD trong năm 2023. Với phương pháp định giá P/B, do PVD bắt đầu chuyển từ thua lỗ sang có lợi nhuận khả quan trong năm tới, nên chúng tôi sử dụng P/B mục tiêu là 1 lần, tương đương với mức trung bình giai đoạn từ 2010 đến 2015. Với phương pháp còn lại, chúng tôi sử dụng mức EV/EBITDA trung bình của các công ty cùng ngành trong khu vực là 11 lần để định giá.

Hình 5: P/B và lợi nhuận của PVD qua các năm



Hình 6: So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty	Vốn hóa (tỷ VND)	EV/EBITDA
NANJING DEVELOP ADVANCED M-A	25,979	42.57
CHINA OILFIELD SERVICES-H	219,025	9.67
SOUTH WEST PINNACLE EXPLORAT	950	22.19
APEXINDO PRATAMA DUTA PT	779	5.76
GINTING JAYA ENERGI TBK PT	193	11.91
VELESTO ENERGY BHD	10,474	20.54
JINDAL DRILLING & INDUS LTD	2,260	5.29
ZHONGMAN PETROLEUM	26,531	9.76
PETROSEA TBK PT	8,397	3.17
Median	7,483	11.91

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

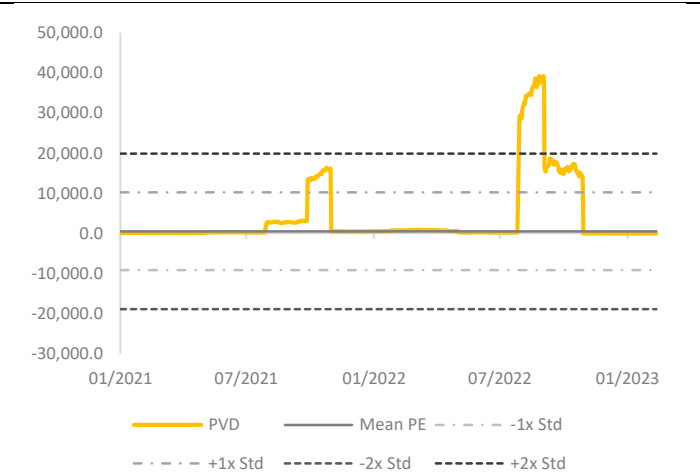
Dựa trên hai phương pháp định giá trên với tỷ trọng là 50% - 50%, BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với PVD, với giá mục tiêu cho năm 2023 là **26,000 VND/CP** (tương đương upside 23% so với giá đóng cửa ngày 15/02/2023 là 21,150 VND/CP). Chúng tôi cho rằng triển vọng kinh doanh của PVD sẽ trở nên tích cực hơn trong thời gian tới nhờ đơn giá cho thuê và hiệu suất sử dụng giàn tăng do sự phục hồi của thị trường khoan khu vực, trong bối cảnh nguồn cung bị thắt chặt. Rủi ro giảm giá bao gồm hiệu suất hoạt động các giàn khoan thấp hơn dự kiến, và lợi nhuận từ hoạt động khoan thấp hơn dự kiến do ảnh hưởng bởi biến động giá dầu.

Phương pháp	Định giá (VND/CP)	Tỷ trọng (%)	Giá bình quân
P/B với P/B mục tiêu 1.0x	25,820	50%	12,910
EV/EBITDA	26,170	50%	13,090
Giá mục tiêu (VND/ CP)			26,000
Giá đóng cửa ngày 15/02/2023			21,150
Upside			22.9%

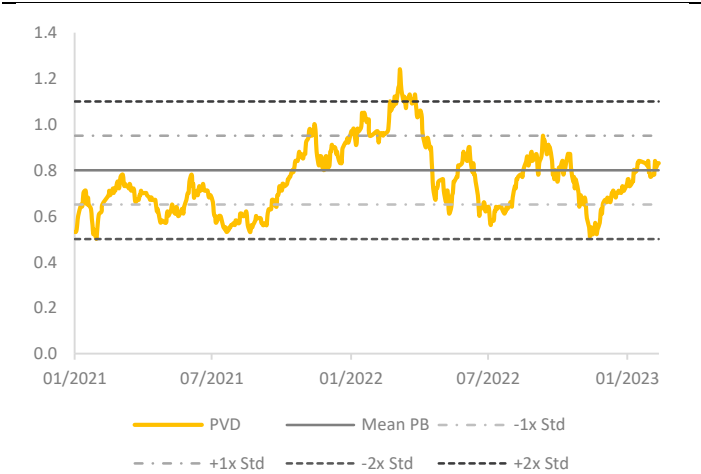
Phương pháp EV/EBITDA	
EBITDA 2023F (tỷ VND)	1,370
EV/EBITDA mục tiêu (x)	11.00
Giá trị doanh nghiệp	15,066
(+) Tiền và tương đương tiền	3,247
(-) Nợ ngắn hạn và dài hạn	3,808
Giá trị vốn chủ sở hữu	14,504
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	554
Giá mục tiêu	26,171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Stock PE



Stock PB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	5,228	3,995	5,432	6,848
Giá vốn hàng bán	-4,900	-3,624	-4,853	-6,022
Lợi nhuận gộp	328	371	578	826
Chi phí bán hàng	-16	-13	-18	-22
Chi phí QLDN	-315	-386	-493	-442
Lãi/lỗ HĐKD	-3	-27	68	361
Doanh thu tài chính	159	164	118	115
Chi phí tài chính	-202	-171	-313	-262
Chi phí lãi vay	-119	-109	-168	-219
Lợi nhuận từ CTLD/LK	216	104	48	124
Lãi/lỗ khác	30	-7	-56	46
Lợi nhuận trước thuế	200	62	-135	383
Thuế thu nhập DN	-19	-26	-16	-77
LN sau thuế	181	37	-151	307
CĐTS	-4	17	-52	32
LNST - CĐTS	184	20	-99	275
EBITDA	822	708	737	1,370
EPS	278	-36	-242	360

	2020	2021	2022	2023F
Tiền & tương đương tiền	1,075	1,131	1,965	2,373
Đầu tư ngắn hạn	1,197	1,544	421	874
Phải thu ngắn hạn	1,806	1,936	2,224	2,552
Tồn kho	959	758	908	1,100
TS ngắn hạn khác	78	60	72	122
TS ngắn hạn	5,114	5,429	5,590	7,020
TS hữu hình	23,361	23,187	24,822	25,027
Khấu hao	-10,039	-10,402	-11,426	-12,223
TS dở dang dài hạn	206	921	8	9
Đầu tư dài hạn	1,790	602	625	656
TS dài hạn khác	229	797	834	839
TS dài hạn	15,739	15,332	15,091	14,513
Tổng TS	20,853	20,761	20,681	21,534
Phải trả ngắn hạn	695	780	566	1,105
Vay ngắn hạn	635	748	835	959
Nợ ngắn hạn khác	1,474	1,502	1,454	1,555
Tổng Nợ ngắn hạn	2,804	3,030	2,855	3,619
Vay dài hạn	3,231	3,206	3,000	2,850
Nợ dài hạn khác	779	693	744	753
Tổng Nợ dài hạn	4,010	3,899	3,743	3,603
Tổng Nợ	6,814	6,930	6,598	7,222
Vốn góp	4,215	4,215	5,563	5,563
Thặng dư vốn cổ phần	2,434	2,434	2,434	2,434
LN chưa phân phối	1,936	1,923	441	667
Vốn chủ khác	5,206	5,020	5,416	5,416
Cổ đông thiểu số	247	240	229	231
Tổng VCSH	14,039	13,832	14,083	14,312
Tổng nguồn vốn	20,853	20,761	20,681	21,534
Số CP lưu hành (triệu)	419	419	554	554

	2020	2021	2022	2023F
(Lỗ)/LNTT	200	62	-135	383
Khấu hao	503	534	782	768
Thay đổi VLĐ	-98	-745	-1,104	-631
Điều chỉnh khác	-292	-229	268	86
LCTT từ HĐ KD	313	-376	-188	606
Tiền chi mua TSCĐ	-552	-608	-136	-216
Tiền từ đầu tư khác	-700	1,065	1,366	195
LCTT từ HĐ Đầu tư	-1,252	457	1,230	-22
Tiền chi trả cổ tức	-3	-3	-3	0
Vay ròng	114	89	-119	-27
Tiền thu khác	0	0	0	0
LCTT từ HĐ Tài chính	127	151	-238	-177
Dòng tiền đầu kỳ	1,890	925	1,131	1,965
Tiền trong kì	-812	232	804	408
Dòng tiền cuối kỳ	1,078	1,131	1,965	2,373

	2020	2021	2022	2023F
Khả năng thanh toán				
Hố TT ngắn hạn	0.75	0.78	0.85	0.97
Hố TT nhanh	0.61	0.67	0.71	0.82
Cơ cấu vốn				
Hố Nợ/TTS	33%	33%	32%	34%
Hố Nợ/VCSH	49%	50%	47%	50%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	66.8	86.4	62.6	60.8
Số ngày phải thu	85.9	99.2	102.4	102.7
Số ngày phải trả	55.6	78.6	49.1	49.1
CCC	97.1	107.0	115.9	114.5
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	6.3%	9.3%	10.6%	12.1%
Lợi nhuận LNST	3.5%	0.9%	-2.8%	4.5%
ROE	1.3%	0.3%	-1.1%	2.1%
ROA	0.9%	0.2%	-0.7%	1.4%
Định Giá				
PE	27.3	59	-86.2	58.0
PB	0.5	0.9	0.8	0.8
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	20%	-24%	36%	26%
Tăng trưởng EBIT	-8%	-46%	-81%	1698%
Tăng trưởng LNTT	6%	-69%	-315%	-385%
Tăng trưởng EPS	-9%	-113%	572%	-249%

Nguồn: BSC Research

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

PVD_ Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định:

PVD đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi tích lũy quanh ngưỡng đáy 19.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy xu hướng tăng vẫn chưa vững chắc. Đường giá cổ phiếu nằm trên ngưỡng MA9 và MA20, ủng hộ xu hướng tăng giá ngắn hạn. Chỉ báo MACD và RSI đều ủng hộ xu hướng tăng. Khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 21.15 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng đỉnh cũ 24.5 (Fibonacci 0.78). Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 19.8.



Nguồn: BSC Research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

